



Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam
Viet Nam Pepper and Spice Association
135A Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP HCM
Tel: (84-28) 3823.7288 | Fax: (84-28) 3822.3901
Email: info@vpsaspice.org | Website: www.vpsaspice.org

BẢN TIN TUẦN IPC

Số 14/25, 31/3 - 04/4/2025

THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

- 01. Thế giới** - Thị trường tuần đầu tháng 4 tiếp tục cho thấy phản ứng trái chiều khi người đạo hồi khắp nơi trên thế giới đang mừng Lễ ăn chay (Eid al-Fitr).
- 02. Ấn Độ** - Cả giá tiêu nội địa và xuất khẩu của Ấn Độ đều ổn định trong tuần này.
- 03. Indonesia** - Thị trường Indonesia đóng cửa cả tuần này vì lễ ăn chay.
- 04. Malaysia** - Chỉ có giá tiêu trắng xuất khẩu Malaysia ghi nhận giảm trong tuần này. Trong khi, các loại khác tiếp tục ổn định.
- 05. Sri Lanka** - Giá tiêu nội địa Sri Lanka tiếp tục tăng trong 6 tuần qua.
- 06. Việt Nam** - Giá tiêu nội địa Việt Nam ghi nhận giảm trong tuần này. Trong khi, giá xuất khẩu ổn định và không thay đổi.
- 07. Brazil, Campuchia, Trung Quốc** - Giá tiêu đen Brazil, Campuchia và tiêu trắng Trung Quốc ghi nhận ổn định và không thay đổi.
- 08. Hoa Kỳ** - Hoa Kỳ và Châu Âu tiếp tục duy trì tình trạng ảm đạm khi giá không thay đổi trong ba tuần qua và cũng đang là kì nghỉ lễ của các quốc gia Hồi giáo.
- 09. Xuất khẩu Hồ tiêu của Singapore (2023 - 2025).**

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (31/3 - 04/4/2025)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi	Public Holiday 8,028 8,040 8,050 - 	8,039 - 8,022	0% 
 Ex-Indonesia	Public Holiday Public Holiday Public Holiday Public Holiday Public Holiday 	n.a - 6,211	n.a
 Ex-Kuching	Public Holiday Public Holiday 6,962 6,960 6,998 	6,973 - 6,993	0% 
 Sri Lanka	Public Holiday 6,802 6,805 6,808 6,788 	6,801 - 6,677	2% 
 Ex- HCM	6,703 6,661 6,657 6,656 6,648 	6,665 - 6,727	-1% 

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (31/3 - 04/4/2025)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Indonesia	Public Holiday Public Holiday Public Holiday Public Holiday Public Holiday	n.a - 8,834	n.a
 Ex-Kuching	Public Holiday Public Holiday 9,207 9,205 9,255	9,223 - 9,249	0% 
 Ex-HCM	10,826 10,700 10,694 10,692 10,679	10,718 - 10,807	-1% 
 Ex-Hainan	10,000 10,000 10,000 10,000 10,000	10,000 - 10,000	0% 

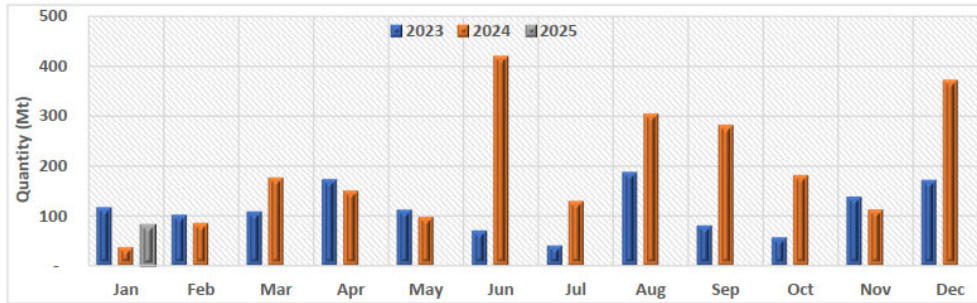
GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (31/3 - 04/4/2025)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA	Public Holiday 8,262 8,274 8,284 -	8,273 - 8,256	0% 
 Indonesia ASTA	Public Holiday Public Holiday Public Holiday Public Holiday Public Holiday	n.a - 7,231	n.a
 Kuching ASTA	Public Holiday Public Holiday 9,900 9,850 9,850	9,867 - 9,900	0% 
 Ho Chi Minh 500g/l	7,100 7,100 7,100 7,100 7,100	7,100 - 7,100	0% 
 Ho Chi Minh 550g/l	7,300 7,300 7,300 7,300 7,300	7,300 - 7,300	0% 
 Brazil 570g/l	7,000 7,000 6,950 6,950 6,950	6,970 - 7,000	0% 
 Cambodia 550g/l	6,154 6,154 6,154 6,154 6,154	6,154 - 6,154	0% 

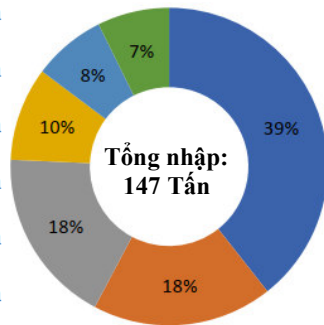
GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (31/3 - 04/4/2025)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Indonesia FAQ	Public Holiday Public Holiday Public Holiday Public Holiday Public Holiday	n.a - 10,055	n.a
 Kuching ASTA	Public Holiday Public Holiday 12,400 12,300 12,300	12,333 - 12,400	-1% 
 Ho Chi Minh FAQ	10,100 10,100 10,100 10,100 10,100	10,100 - 10,100	0% 
 Haikou FAQ	10,200 10,200 10,200 10,200 10,200	10,200 - 10,200	0% 

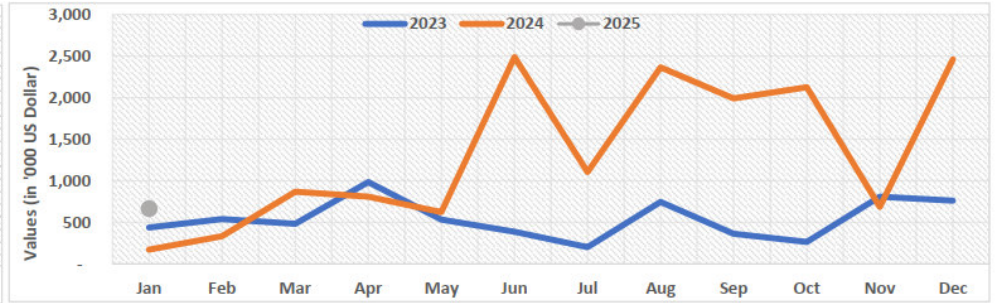
XUẤT KHẨU HỒ TIÊU CỦA SINGAPORE



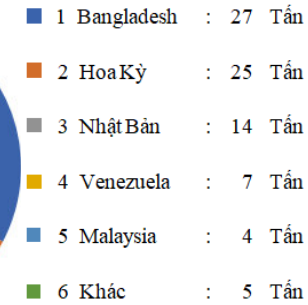
5 QUỐC GIA CUNG CẤP HỒ TIÊU LỚN NHẤT CHO SINGAPORE
THÁNG 1 NĂM 2025



Tỉ lệ Nhập : Xuất = 2 : 1



5 QUỐC GIA NHẬP KHẨU HỒ TIÊU LỚN NHẤT CỦA SINGAPORE
THÁNG 1 NĂM 2025



Nguồn:
Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Xuất khẩu Hồ tiêu của Singapore (2022-2024)			<u>2023</u>	<u>2024</u>		<u>2025*</u>	
	Tổng lượng xuất (tấn)		1,359	2,341	▲	82	▲
	Tổng trị giá xuất ('000 USD)		\$ 6,515	\$ 16,031	▲	\$ 665	▲
	Chênh lệch (%)		n.a	72%	▲	123%	▲
	Thị phần (%)	Tiêu hạt	98%	99%	▲	99%	▬
		Tiêu xay	2%	1%	▼	1%	▬
	Giá xuất khẩu (USD/tấn)	Tiêu hạt	\$ 4,742	\$ 6,863	▲	\$ 8,099	▲
		Tiêu xay	\$ 8,325	\$ 5,932	▼	\$ 9,000	▲

**Tính đến Tháng 1/2024*

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	9,300 - 9,350 CF Apr/May/Jun	n.a
Lampung black (ASTA)	n.a	n.a
Sri Lanka black 550 G/L	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	7,050 FOB Apr/May/Jun	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black 570 GL (ASTA)	7,600 - 7,750 CF Apr/May/Jun	n.a
Madagascar black (ASTA)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	9,800 CF Apr/May	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white 630 GL (ASTA)	10,500 - 10,600 CF Apr/May/Jun	n.a

Tỷ giá /USD	Brazil (BRL)	Cambodia (KHR)	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Sri Lanka (LKR)	Viet Nam (VND)
Tuần này	5.69	4,001	7.18	85.46	n.a	4.45	296.37	23,661
Tuần trước	5.66	4,004	7.18	85.64	16,584	4.43	296.54	23,652
% Thay đổi	-1%	0%	0%	0%	n.a	0%	0%	0%
					n.a			

Nguồn:

- India: x-rates.com, Financial Benchmark India Private Ltd (FBIL)
- Indonesia: Ngân hàng Trung ương Indonesia
- Malaysia: Ngân hàng Trung ương Malaysia
- Sri Lanka: Ngân hàng Trung ương Sri Lanka
- Việt Nam: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Brazil: Ngân hàng Trung ương Brazil
- Campuchia: Ngân hàng Nhà nước Campuchia
- Trung Quốc: Hệ thống thương mại ngoại hối Trung Quốc (CFETS)